

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Dự án nghiên cứu, bảo tồn các loại Gấu ngựa và Cây văn
bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền và địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; Luật Bảo vệ Môi trường; Luật Đa dạng sinh học;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 về việc ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng; số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 52/1999/NĐ-CP; số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 52/1999/NĐ-CP và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP; số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường; số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 về việc quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm; số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng;

Căn cứ Quyết định số 487/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/02/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về định mức kinh tế kỹ thuật trong điều tra quy hoạch rừng;

Căn cứ Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc Quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 về hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2463/QĐ-UBND ngày 16/7/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững rừng đặc dụng Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2894/2015/QĐ-UBND ngày 05/8/2015 của UBND tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tại Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 5618/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 4027/QĐ-UBND ngày 17/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt chủ trương lập Dự án nghiên cứu, bảo tồn các loài Gấu ngựa và Cây văn bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông;

Xét đề nghị của Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông tại Tờ trình số 18/TTr-BTPL ngày 04/11/2016; của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 5153/SKHĐT-KTNN ngày 05/12/2016 về báo cáo thẩm định dự án Nghiên cứu, bảo tồn các loài Gấu ngựa và Cây văn bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án Nghiên cứu, bảo tồn các loài Gấu ngựa và Cây văn bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông, với nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Nghiên cứu, bảo tồn các loài Gấu ngựa và Cây văn bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.

3. Mục tiêu đầu tư:

- Mục tiêu chung: Điều tra, bảo tồn nguyên trạng và từng bước phục hồi quần thể 02 loài động vật quý hiếm, nguy cấp Gấu ngựa và Cây văn bắc, góp phần bảo tồn bền vững đa dạng sinh học tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Xác định hiện trạng quần thể, phân bố và nhu cầu nguồn thức ăn của 02 loài động vật Gấu ngựa và Cây văn bắc tại Khu bảo tồn;

+ Đánh giá mối đe dọa đối với 02 loài động vật quý hiếm, nguy cấp;

+ Xây dựng chương trình giám sát và xác định các giải pháp để bảo tồn, phát triển 02 loài Gấu ngựa và Cây văn bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.

4. Các nội dung của dự án:

4.1. Điều tra hiện trạng phân bố và xác định các mối đe dọa đối với quần thể 02 loài Gấu ngựa và Cây văn bắc.

4.2. Điều tra, nghiên cứu và xác định nhu cầu nguồn thức ăn đối với quần thể 02 loài Gấu ngựa và Cây văn bắc.

4.3. Xây dựng và thực hiện chương trình giám sát đối với quần thể 02 loài Gấu ngựa và Cây văn bắc.

4.4. Đề xuất các giải pháp để bảo tồn và phát triển quần thể 02 loài Gấu ngựa và Cây văn bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.

5. Sản phẩm chính của dự án:

5.1. Báo cáo tổng hợp và tóm tắt kết quả thực hiện dự án (10 bộ).

5.2. Bộ sản phẩm các báo cáo chuyên đề dự án (10 bộ), gồm:

- Chuyên đề 1: Báo cáo chuyên đề về thực trạng quần thể 02 loài động vật Gấu ngựa và Cây văn bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.

- Chuyên đề 2: Báo cáo chuyên đề về các mối đe dọa đến 02 loài động vật Gấu ngựa và Cây văn bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.

- Chuyên đề 3: Báo cáo chuyên đề về nhu cầu thức ăn đối với 02 loài động vật Gấu ngựa và Cây văn bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.

- Chuyên đề 4: Báo cáo chuyên đề về chương trình giám sát đối với 02 loài động vật Gấu ngựa và Cây văn bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.

- Chuyên đề 5: Giải pháp để bảo tồn và phát triển quần thể 02 loài Gấu ngựa và Cây văn bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.

5.3. Các sản phẩm khác của dự án:

- Bộ bản đồ và cơ sở dữ liệu về phân bố 02 loài Gấu ngựa và Cây văn bắc, Tỷ lệ 1:25.000.

- Bảng thông tin tuyên truyền và Poster tuyên truyền được cấp phát đến cộng đồng.

6. Địa điểm và phạm vi thực hiện: Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.

7. Tổng kinh phí thực hiện dự án: 1.295,3 triệu đồng.

Trong đó:

- | | |
|--|---------------------|
| - Chi phí thực hiện dự án: | 1.105,7 triệu đồng. |
| - Chi phí thiết bị, nguyên nhiên liệu: | 43,5 triệu đồng. |
| - Chi phí khác: | 84,5 triệu đồng. |
| - Chi phí dự phòng: | 61,6 triệu đồng. |

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

8. Nguồn vốn thực hiện dự án: Vốn sự nghiệp kinh tế hàng năm của ngân sách tỉnh.

9. Thời gian thực hiện: Trong 3 năm (2017 - 2019).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông (chủ đầu tư) căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Khoa học và Công nghệ theo chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn, chỉ đạo Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

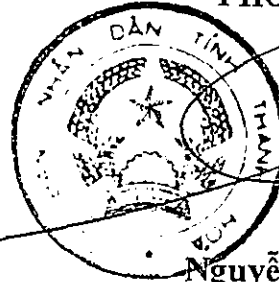
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hoá; Chủ đầu tư; Thủ trưởng các ngành, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

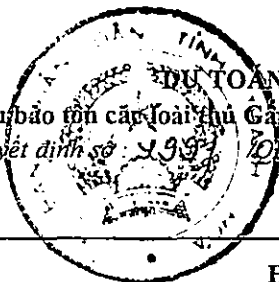
- Như điều 3 QĐ (để thực hiện);
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Lưu: VT, NN (02).
- (Truc124)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

PHỤ BIỂU I



DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN

“Nghiên cứu, bảo tồn các loài thú Gấu ngựa, Cây Vằn bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông”
(Kèm theo Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Hạng mục	Tổng dự toán
	Tổng số	1.295,3
I	Chi phí điều tra, đánh giá hiện trạng và xây dựng giải pháp để bảo tồn và phát triển 02 loài Gấu ngựa, Cây vằn bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông	1.105,7
1	Tập huấn nghiệp vụ nghiên cứu, điều tra cho cán bộ.	13,0
2	Điều tra, đánh giá thực trạng phân bố quần thể 02 loài thú Gấu ngựa và Cây Vằn bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông (các yếu tố: Phân bố, sinh cảnh sống, lãnh thổ sống, số số lượng đàn, đặc điểm cấu trúc và tổ chức đàn...).	430,2
3	Điều tra, đánh giá các mối đe dọa 02 loài thú Gấu ngựa và Cây Vằn tại 9 xã có địa giới hành chính giáp với khu bảo tồn, các thôn (bản) và trong Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.	110,9
4	Điều tra, nghiên cứu và xác định nhu cầu nguồn thức ăn đối với 02 loài thú Gấu ngựa và Cây Vằn bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.	162,7
5	Xây dựng và thực hiện chương trình giám sát với 02 loài thú Gấu ngựa và Cây Vằn bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.	235,6
6	Thực hiện chương trình tuyên truyền quản lý bảo vệ 02 loài thú Gấu ngựa và Cây Vằn bắc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.	153,3
II	Chi phí thiết bị, nguyên nhiên liệu	43,5
III	Chi phí khác	84,5
1	Báo cáo tổng kết dự án	12,0
2	Chi phí lập dự án	15,0
3	Chi phí quản lý dự án	57,5
IV	Chi phí dự phòng = 5%*(I+II+III)	61,7

PHỤ BIỂU 2

CHI TIẾT DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN

"Nghiên cứu bảo tồn các loài thú Gấu ngựa (*Ursus thibetanus*), Cây Văn bắc (*Chrotogale owstoni*) tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông"

(Kèm theo Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: 1.000 đ

TT	Hạng mục	ĐVT	Dự toán kinh phí thực hiện dự án			Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số				1.295.324	
I	Chi phí thực hiện điều tra, nghiên cứu				1.105.733	
I	Tập huấn cho 20 cán bộ Khu bảo tồn (3 ngày). Tổ chức tập huấn kỹ năng điều tra, giám sát, bảo tồn các loài thú Gấu ngựa (<i>Ursus thibetanus</i>), Cây Văn bắc (<i>Chrotogale owstoni</i>) và các loài động vật rừng nguy cấp, quý hiếm tại rừng đặc dụng Pù Luông				13.000	
-	Công chuyên gia biên soạn tài liệu tập huấn và báo cáo kết quả (02 người x 3 ngày)	Ngày	2	1.000	2.000	
-	Công chuyên gia tập huấn (2 người x 3 ngày)	Ngày	2	1.000	2.000	
-	Tài liệu tập huấn	Bộ	20	60	1.200	
-	Maket tập huấn	Cái	1	300	300	
-	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ khu Bảo tồn tham gia tập huấn (20 người x 3 ngày)	Người	20	180	3.600	
-	Thuê phòng nghỉ cho chuyên gia và cán bộ tham gia tập huấn (11 phòng x 3 ngày)	Phòng	11	300	3.300	
-	Chi nước uống (30 đồng/người/ngày)	Người	20	30	600	
2	Điều tra, đánh giá thực trạng quần thể 02 loài loài thú Gấu ngựa(<i>Ursus thibetanus</i>) và Cây Văn bắc(<i>Chrotogale owstoni</i>) tại rừng đặc dụng Pù Luông (Bao gồm các yếu tố: Phân bố, sinh cảnh sống, lãnh thổ sống, số số lượng dân, đặc điểm cấu trúc và tổ chức đàn...)				430.248	
2.1	Thuê khoán chuyên môn				237.048	
-	Thuê 01 chuyên gia đi điều tra thực địa (7 ngày/đợt x 12 đợt/loài x 2 loài)	Công	168	1.000	168.000	
-	Công 2 điều tra viên (7 ngày/đợt x 12 đợt/loài x 2 loài x 2 người)	Công	336	137	46.032	
-	Công 02 người phiên dịch tiếng dân tộc kiêm dẫn đường và khâu vá dụng cụ (7 ngày/đợt x 12 đợt/loài x 2 loài x 2 người)	Công	168	137	23.016	
2.2	Phụ cấp cho cán bộ Khu bảo tồn				151.200	
-	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ KBT tham gia điều tra (7 ngày/đợt x 12 đợt/loài x 2 loài x 3 người)	Công	504	180	90.720	
-	Hỗ trợ tiền nghỉ cho cán bộ tham gia điều tra (7 ngày/đợt x 12 đợt/loài x 2 loài x 3 người)	Ngày	504	120	60.480	
2.3	Nguyên vật liệu, năng lượng				36.000	
-	Thuê xe đi đón chuyên gia (12 đợt x 2 loài)	Chuyến	24	1.500	36.000	

TT	Hạng mục	ĐVT	Dự toán kinh phí thực hiện dự án			Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6	7
2.4	Xây dựng báo cáo chuyên đề	báo cáo	1	6.000	6.000	
3	Điều tra, đánh giá các mối đe dọa 02 loài loài thú Gấu ngựa (Ursus thibetanus) và Cây Vằn (Chrotogale owstoni) tại 9 xã có địa giới hành chính giáp với khu bảo tồn, các thôn(bản) và trong rừng đặc dụng Pù Luông				110.885	
3.1	Điều tra, khảo sát thu thập thông tin				16.500	
-	Xây dựng bộ phiếu biểu (30 chỉ tiêu x 2 loài)	Phiếu	2	750	1.500	
-	Chi cho người cung cấp thông tin (500 người /phiếu biểu)	Người	500	30	15.000	
3.2	Thuê khoán chuyên môn				49.385	
-	Công cho chuyên gia điều tra đánh giá (1 người x 7 ngày/đợt x 5 đợt)	Công	35	1.000	35.000	
-	Công 02 điều tra viên (7 ngày/đợt x 5 đợt x 2 người)	Công	70	137	9.590	
-	Công 02 người phiên dịch tiếng dân tộc kiểm dẫn đường và khuôn vác dụng cụ (7 ngày/đợt x 5 đợt x 2 người)	Công	35	137	4.795	
3.3	Phụ cấp cho cán bộ Khu bảo tồn				31.500	
-	Phụ cấp lưu trú cho 03 cán bộ KBT đi thu thập thông tin (7 ngày/đợt x 5 đợt x 3 người)	Người	105	180	18.900	
-	Hỗ trợ tiền nghỉ cho 03 cán bộ đi thu thập thông tin (7 ngày/đợt x 5 đợt x 3 người)	Ngày	105	120	12.600	
3.4	Nguyên vật liệu, năng lượng				7.500	
-	Thuê xe đi đón chuyên gia	Chuyến	5	1.500	7.500	
3.5	Xây dựng báo cáo chuyên đề	báo cáo	1	6.000	6.000	
4	Điều tra, nghiên cứu và xác định nhu cầu nguồn thức ăn đối với 02 loài thú				162.660	
4.1	Thuê khoán chuyên môn				84.660	
-	Công chuyên gia điều tra thực địa (5 ngày/đợt x 6 đợt/loài x 2 loài x 1 người)	Công	60	1.000	60.000	
-	Công 02 điều tra viên (5 ngày/đợt x 6 đợt/loài x 2 loài x 2 người)	Công	120	137	16.440	
-	Công 02 người phiên dịch tiếng dân tộc kiểm dẫn đường và khuôn vác dụng cụ (5 ngày/đợt x 6 đợt/loài x 2 loài x 2 người)	Công	60	137	8.220	
4.2	Phụ cấp cho cán bộ Khu bảo tồn				54.000	
-	Phụ cấp lưu trú cho 03 cán bộ KBT đi điều tra (5 ngày/đợt x 6 đợt/loài x 2 loài x 3 người)	Công	180	180	32.400	
-	Hỗ trợ tiền nghỉ cho 03 cán bộ đi điều tra (5 ngày/đợt x 6 đợt/loài x 2 loài x 3 người)	Công	180	120	21.600	
4.3	Nguyên vật liệu, năng lượng				18.000	
-	Thuê xe đi đón chuyên gia (6 đợt x 2 loài)	Chuyến	12	1.500	18.000	
4.4	Xây dựng báo cáo chuyên đề	báo cáo	1	6.000	6.000	

TT	Hạng mục	Dự toán kinh phí thực hiện dự án			Ghi chú	
		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		
1	2	4	5	6	7	
5	Xây dựng và thực hiện chương trình giám sát với 02 loài thú			235.640		
5.1	Xây dựng 10 tuyến giám sát cho 02 loài thú (5 tuyến/loài)			164.160		
5.1.1	Thuê khoán chuyên môn			84.660		
-	Công chuyên gia đi xây dựng ngoài thực địa (6 ngày/tuyến x 10 tuyến x 1 người)	Công	60	1.000	60.000	
-	Công 02 điều tra viên (6 ngày/tuyến x 10 tuyến x 2 người)	Công	120	137	16.440	
-	Công 02 người phiên dịch tiếng dân tộc kiêm dẫn đường và khâu vá dụng cụ (6 ngày/tuyến x 10 tuyến x 2 người)	Công	60	137	8.220	
5.1.2	Phụ cấp cho cán bộ Khu bảo tồn			72.000		
-	Phụ cấp lưu trú cho 04 cán bộ KBT đi xây dựng ngoài thực địa (6 ngày/tuyến x 10 tuyến x 4 người)	Công	240	180	43.200	
-	Hỗ trợ tiền nghỉ cho 04 cán bộ đi điều tra (6 ngày/tuyến x 10 tuyến x 4 người)	Công	240	120	28.800	
5.1.3	Nguyên vật liệu, năng lượng			7.500		
-	Thuê xe đi đón chuyên gia (Chuyến = Lướt đi + Lướt về).	Chuyến	5	1.500	7.500	
5.2	Tổ chức giám sát 02 loài thú theo tuyến giám sát đã lập			65.480		
-	Phụ cấp lưu trú cho 05 cán bộ KBT đi giám sát theo tuyến đã lập (10 đợt x 4 ngày/đợt x 5 người)	Công	200	180	36.000	
-	Hỗ trợ tiền nghỉ cho 05 cán bộ đi giám sát theo tuyến đã lập (10 đợt x 4 ngày/đợt x 5 người)	Công	200	120	24.000	
-	Công 02 người phiên dịch tiếng dân tộc kiêm dẫn đường và khâu vá dụng cụ (10 đợt x 4 ngày/đợt x 2 người)	Công	40	137	5.480	
5.3	Xây dựng báo cáo chuyên đề	báo cáo	1	6.000	6.000	
6	Thực hiện chương trình tuyên truyền quản lý bảo vệ			153.300		
6.1	Tổ chức họp 10 thôn có địa giới hành chính giáp với khu bảo tồn nơi có quần thể 02 loài loài thú Gấu ngựa (Ursus thibetanus) và Cầy Vằn bắc (Chrotogale owstoni) để giới thiệu về giá trị và sự cần thiết phải bảo tồn (10 thôn x 70người/thôn).			108.300		
-	Biên soạn tài liệu tuyên truyền	Bộ	1	3.000	3.000	
-	Hỗ trợ tiền cho người dân tham gia (70 người/thôn x 10 thôn)	người	700	60	42.000	
-	Phô tô, đóng bìa tài liệu tuyên truyền	bộ	700	50	35.000	
-	Makét tuyên truyền	bộ	1	300	300	
-	Chi nước uống (30 đồng/người/ngày)	Người	700	30	21.000	
-	Bút bi, túi đựng tài liệu	Bộ	700	10	7.000	
6.2	In ấn tờ rơi tuyên truyền cấp phát cho người dân	cái	5.000	8	37.500	
6.3	Bản đồ phân bố (Tỷ lệ 1/25.000)			7.500		

TT	Hạng mục		Dự toán kinh phí thực hiện dự án			Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6	7
-	Biên tập, xây dựng bản đồ phân bố	Bộ	1	6.000	6.000	
-	In ấn bản đồ phân bố	Bộ	2	750	1.500	
II	Trang thiết bị, máy móc, thuốc phòng, vật liệu rẻ tiền, văn phòng phẩm phục vụ dự án				43.450	
-	Lều trại phục vụ điều tra trong rừng	cái	4	1.500	6.000	
-	Võng, bạt phục vụ điều tra trong rừng	bộ	4	1.000	4.000	
-	Quần áo bảo hộ	Bộ	16	550	8.800	
-	Dây đi rừng (Dây quân nhu, loại cao cổ)	Đôi	16	170	2.720	
-	Tất chống vắt	Đôi	16	45	720	
-	Đèn pin	cái	5	42	210	
-	In ấn tài liệu, bản đồ, ảnh tư liệu...văn phòng phẩm phục vụ điều tra	Năm	3	4.000	12.000	
-	Thuốc phòng, băng, gạc... phục vụ các đợt đi điều tra trong rừng	Năm	3	3.000	9.000	
III	Chi phí khác				84.459	
-	Báo cáo tổng kết Dự án	Báo cáo	1	12.000	12.000	
-	Chi phí lập dự án				15.000	
-	Chi phí quản lý dự án (5%*(1+II)				57.459	
IV	Dự phòng (5%*(mục I+II+III)				61.682	